

DANH SÁCH SINH VIÊN BỊ HỦY HỌC PHẦN DO LỚP KHÔNG ĐỦ SỐ LƯỢNG ĐĂNG KÝ TỐI THIỂU
HK2(2024-2025)

STT	MÃ SV	HỌ LÓT	TÊN	LHP	TÊN HỌC PHẦN	TC	LỚP DỰ KIẾN	GHI CHÚ
1	2331720061	TRIỆU VŨ LIÊM	HÂN	010100001602	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	23ĐHKVLĐ01; 23ĐHKVLĐ02	
2	2331720402	Nguyễn Ngọc Kỳ	Khuê	010100001602	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	23ĐHKVLĐ01; 23ĐHKVLĐ02	
3	2331720386	Trần Thị Thu	Hà	010100001602	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	23ĐHKVLĐ01; 23ĐHKVLĐ02	
4	2331720436	Võ Mai	Thi	010100001602	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	23ĐHKVLĐ01; 23ĐHKVLĐ02	
5	2331720037	Hoàng Thị Thu	Huyền	010100001602	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	23ĐHKVLĐ01; 23ĐHKVLĐ02	
6	2331720090	Nguyễn Tường	Nhi	010100001602	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	23ĐHKVLĐ01; 23ĐHKVLĐ02	
7	2331720129	Vương Phước	Huy	010100001602	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	23ĐHKVLĐ01; 23ĐHKVLĐ02	
8	2331720105	NGUYỄN VĂN	ĐẠT	010100001602	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	23ĐHKVLĐ01; 23ĐHKVLĐ02	
9	2331720136	TRẦN MINH	HUY	010100001602	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	23ĐHKVLĐ01; 23ĐHKVLĐ02	
10	2331720135	Lê Cao	Lâm	010100001602	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	23ĐHKVLĐ01; 23ĐHKVLĐ02	
11	2331720086	DIỆP TƯỜNG	NHI	010100001602	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	23ĐHKVLĐ01; 23ĐHKVLĐ02	
12	2331720165	CHÂU BẢO	NGỌC	010100001602	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	23ĐHKVLĐ01; 23ĐHKVLĐ02	
13	2331720286	NGUYỄN BÌNH KHÔI	NGUYỄN	010100001602	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	23ĐHKVLĐ01; 23ĐHKVLĐ02	
14	2331540288	Trịnh Minh	Tuấn	010100001602	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	23ĐHKVLĐ01; 23ĐHKVLĐ02	
15	2331720263	NGUYỄN HOÀNG BẢO	NGỌC	010100001602	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	23ĐHKVLĐ01; 23ĐHKVLĐ02	
16	2331720149	NGUYỄN PHƯƠNG	NGHI	010100001602	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	23ĐHKVLĐ01; 23ĐHKVLĐ02	
17	2331720385	Phùng Quốc	Tân	010100001602	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	23ĐHKVLĐ01; 23ĐHKVLĐ02	
18	2331720269	TRẦN THỊ THÙY	DƯƠNG	010100001602	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	23ĐHKVLĐ01; 23ĐHKVLĐ02	
19	2331720118	Nguyễn Lê Ngọc	Minh	010100001605	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	23ĐHNATM3; 23ĐHNATM4	
20	2331720110	KA SUN	HY	010100001605	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	23ĐHNATM3; 23ĐHNATM4	
21	2331720227	PHAN VĂN	QUYỄN	010100001605	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	23ĐHNATM3; 23ĐHNATM4	
22	2331540160	LÊ TƯỜNG	VĂN	010100001605	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	23ĐHNATM3; 23ĐHNATM4	
23	2331720016	Trần Việt Phương	Anh	010100001605	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	23ĐHNATM3; 23ĐHNATM4	
24	2331540157	Huỳnh Ngọc	Hân	010100001605	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	23ĐHNATM3; 23ĐHNATM4	
25	2331720075	LÊ THÀNH	ĐỨC	010100001605	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	23ĐHNATM3; 23ĐHNATM4	
26	2331720265	Phạm Thị Như	Thùy	010100001605	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	23ĐHNATM3; 23ĐHNATM4	
27	2331720274	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	UYỄN	010100001605	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	23ĐHNATM3; 23ĐHNATM4	
28	2331720015	Phạm Thị Mỹ	Tĩnh	010100001605	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	23ĐHNATM3; 23ĐHNATM4	
29	2331720193	LÊ PHƯƠNG	UYỄN	010100001605	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	23ĐHNATM3; 23ĐHNATM4	
30	2331720332	Phạm Hoài Phương	Thảo	010100001605	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	23ĐHNATM3; 23ĐHNATM4	
31	2331720331	Phạm Hồ Đan	Thy	010100001605	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	23ĐHNATM3; 23ĐHNATM4	
32	2331720188	NGUYỄN HIỀN	LINH	010100001605	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	23ĐHNATM3; 23ĐHNATM4	

STT	MÃ SV	HỌ LÓT	TÊN	LHP	TÊN HỌC PHẦN	TC	LỚP DỰ KIẾN	GHI CHÚ
33	2331720405	Trần Hồng	Hân	010100001605	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	23ĐHNATM3; 23ĐHNATM4	
34	2331720253	PHẠM TRẦN KHÁNH	LY	010100001605	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	23ĐHNATM3; 23ĐHNATM4	
35	2331720023	ĐÌNH THỊ PHƯƠNG	HẬU	010100001605	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	23ĐHNATM3; 23ĐHNATM4	
36	2331720045	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	010100001605	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	23ĐHNATM3; 23ĐHNATM4	
37	2331720040	LƯƠNG THỊ THU	HIỂN	010100001605	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	23ĐHNATM3; 23ĐHNATM4	
38	2331720020	LÊ VINH QUỐC	BẢO	010100001605	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	23ĐHNATM3; 23ĐHNATM4	
39	2331720376	Nguyễn Trần Minh	Anh	010100001605	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	23ĐHNATM3; 23ĐHNATM4	
40	2331720307	Nguyễn Thị Minh	Thư	010100001605	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	23ĐHNATM3; 23ĐHNATM4	
41	2331720131	TRẦN ĐẠI	QUÝ	010100001605	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	23ĐHNATM3; 23ĐHNATM4	
42	2331720145	TRẦN NGỌC BẢO	TRANG	010100001607	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	23ĐHKVKH; 23ĐHNADL	
43	2331720164	NGUYỄN THỊ MỸ	QUYÊN	010100001607	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	23ĐHKVKH; 23ĐHNADL	
44	2331720093	NGUYỄN THỊ	HĂNG	010100001607	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	23ĐHKVKH; 23ĐHNADL	
45	2331720092	Lê Thanh	Xuân	010100001607	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	23ĐHKVKH; 23ĐHNADL	
46	2331720154	Nguyễn Quỳnh	Giang	010100001607	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	23ĐHKVKH; 23ĐHNADL	
47	2331720284	LÊ THỊ THẢO	TIỀN	010100001607	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	23ĐHKVKH; 23ĐHNADL	
48	2331720094	DƯƠNG THỊ NHƯ	Ý	010100001607	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	23ĐHKVKH; 23ĐHNADL	
49	2331720395	Trần Vũ Yến	Nhi	010100001607	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	23ĐHKVKH; 23ĐHNADL	
50	2331720008	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	THẢO	010100001607	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	23ĐHKVKH; 23ĐHNADL	
51	2331730081	NGUYỄN THỊ ANH	THƯ	010100002004	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	24ĐHNA04	
52	2431740284	Nguyễn Thị Đỗ	Quyên	010100002004	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	24ĐHNA04	
53	2431730106	Võ Trần Diệp	Anh	010100002004	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	24ĐHNA04	
54	2431730045	Trần Lê Anh	Thư	010100002004	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	24ĐHNA04	
55	2431730091	Nguyễn Nhật	Vy	010100002004	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	24ĐHNA04	
56	2431740150	Nguyễn Khánh	Chi	010100002004	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	24ĐHNA04	
57	2431310305	Doãn Thiên	Ân	010100002004	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	24ĐHNA04	
58	2431310118	Trần Đức	Tiến	010100002004	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	24ĐHNA04	
59	2431310474	Khà Cẩm	Tú	010100002004	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	24ĐHNA04	
60	2431310179	Nguyễn Thị Yến	Nhi	010100002004	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	24ĐHNA04	
61	2431310286	Trương Gia	Bảo	010100002004	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	24ĐHNA04	
62	2431720180	Nguyễn Vũ Mai	Linh	010100002004	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	24ĐHNA04	
63	2431740279	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	010100002004	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	24ĐHNA04	
64	2431740211	Nguyễn Hà Bảo	Ngân	010100002004	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	24ĐHNA04	
65	2431740105	Lê Hồ Cẩm	Tú	010100002004	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	24ĐHNA04	
66	2431740103	Võ Đức	Tuấn	010100002004	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	24ĐHNA04	
67	2431740354	Nguyễn Phú	Hiệp	010100002004	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	24ĐHNA04	
68	2331320175	TRẦN MINH MỘNG	KIỆU	010100002004	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	24ĐHNA04	
69	2431320054	Trần Khoa	Văn	010100002004	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	24ĐHNA04	
70	2331740183	NGUYỄN HOÀNG ANH	PHÚC	010100002004	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	24ĐHNA04	
71	2254810062	VĂN QUỐC	KHÁNH	010100002012	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	24ĐHKV03	
72	2431730407	Lê Nguyễn Cẩm	Hân	010100002012	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	24ĐHKV03	
73	2431540147	Trà Yến	Phượng	010100002012	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	24ĐHKV03	

STT	MÃ SV	HỌ LÓT	TÊN	LHP	TÊN HỌC PHẦN	TC	LỚP DỰ KIẾN	GHI CHÚ
74	2431540274	Bùi Quốc	Bào	010100002012	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	24ĐHKV03	
75	2431730112	Nguyễn Phúc Hoàng	Như	010100002012	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	24ĐHKV03	
76	2431730181	Nguyễn Thảo	Vy	010100002012	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	24ĐHKV03	
77	2431730143	Nguyễn Ngọc Thanh	Tuyết	010100002012	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	24ĐHKV03	
78	2431540158	Trần Thị Phương	Như	010100002012	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	24ĐHKV03	
79	2431740063	Nguyễn Hoàng Thái	Sơn	010100002012	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	24ĐHKV03	
80	2431740074	Lê Thị Huyền	Trang	010100002012	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	24ĐHKV03	
81	2431740302	Bùi Nữ Kiều	Trúc	010100002012	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	24ĐHKV03	
82	2431540145	Trần Lê Mai	Phương	010100002012	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	24ĐHKV03	
83	2431720128	Phạm Hoàng	Phúc	010100002012	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	24ĐHKV03	
84	2431720181	Nguyễn Anh	Kiệt	010100002012	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	24ĐHKV03	
85	2254810064	NGUYỄN ANH	QUÂN	010100002012	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	24ĐHKV03	
86	2431730215	Nguyễn Chí	Lợi	010100002012	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	24ĐHKV03	
87	2431730105	Huỳnh Ngọc Kim	Khánh	010100002012	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	24ĐHKV03	
88	2431310237	Trần Kim	Bào	010100002012	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	24ĐHKV03	
89	2331310462	Nguyễn Ngọc Gia	Hân	010100002012	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	24ĐHKV03	
90	2331310607	Đinh Khánh	Linh	010100002012	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	24ĐHKV03	
91	2431540002	Trần Võ Nhật	Quang	010100002012	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	24ĐHKV03	
92	2431320279	Nguyễn Huỳnh Thảo	Nhi	010100010710	Nguyên lý kế toán	3	24ĐHNL01	
93	2431320242	Trần Thị Kim	Ngân	010100010710	Nguyên lý kế toán	3	24ĐHNL01	
94	2431320141	Lưu Hoàng	Vũ	010100010710	Nguyên lý kế toán	3	24ĐHNL01	
95	2431320248	Trịnh Thanh	Mai	010100010710	Nguyên lý kế toán	3	24ĐHNL01	
96	2431310557	Vũ Đàm Phương	Thúy	010100010710	Nguyên lý kế toán	3	24ĐHNL01	
97	2431320005	Lê Trường	Đạt	010100010710	Nguyên lý kế toán	3	24ĐHNL01	
98	2231310371	Thái Minh	Khang	010100010710	Nguyên lý kế toán	3	24ĐHNL01	
99	2431310435	Phan Bào	Ngọc	010100010710	Nguyên lý kế toán	3	24ĐHNL01	
100	2431310536	Lương Thị Kim	Tiền	010100010710	Nguyên lý kế toán	3	24ĐHNL01	
101	2431310237	Trần Kim	Bào	010100010710	Nguyên lý kế toán	3	24ĐHNL01	
102	2331720428	Trương Đình	Sang	010100010710	Nguyên lý kế toán	3	24ĐHNL01	
103	2431320252	Huỳnh Thu	Thảo	010100010710	Nguyên lý kế toán	3	24ĐHNL01	
104	2331310139	TRẦN VI THẢO	LINH	010100011514	Quản trị chiến lược	3	23ĐHNL03	
105	2201150068	Lê Anh	Thái	010100011514	Quản trị chiến lược	3	23ĐHNL03	
106	2331310162	TRẦN GIA THIÊN	TRƯỜNG	010100011514	Quản trị chiến lược	3	23ĐHNL03	
107	2105130013	Lưu Huỳnh Bảo	Như	010100011514	Quản trị chiến lược	3	23ĐHNL03	
108	2334330042	Nguyễn Mạnh	Khôi	010100011514	Quản trị chiến lược	3	23ĐHNL03	
109	2431320108	Nguyễn Quốc	Hưng	010100011514	Quản trị chiến lược	3	23ĐHNL03	
110	2431320117	Trần Văn	Quyền	010100011514	Quản trị chiến lược	3	23ĐHNL03	
111	2331310172	NGUYỄN MINH	THƯ	010100011514	Quản trị chiến lược	3	23ĐHNL03	
112	2331310285	PHẠM PHƯƠNG	NHI	010100011514	Quản trị chiến lược	3	23ĐHNL03	
113	2331310237	NGUYỄN THỊ BÍCH	PHƯƠNG	010100011514	Quản trị chiến lược	3	23ĐHNL03	
114	2331320175	TRẦN MINH MỘNG	KIỀU	010100011514	Quản trị chiến lược	3	23ĐHNL03	

STT	MÃ SV	HỌ LÓT	TÊN	LHP	TÊN HỌC PHẦN	TC	LỚP DỰ KIẾN	GHI CHÚ
115	2431320218	Nguyễn Thị Phước	Lộc	010100011514	Quản trị chiến lược	3	23ĐHNL03	
116	2331310415	MAI HUYỀN CẨM	NHUNG	010100014006	Vận tải hàng hóa HK (Air Cargo Management)	3	23ĐHQTAN	
117	2331310354	DƯƠNG BẢO	LÂM	010100014006	Vận tải hàng hóa HK (Air Cargo Management)	3	23ĐHQTAN	
118	2331310584	Phạm Thuý	Nga	010100014006	Vận tải hàng hóa HK (Air Cargo Management)	3	23ĐHQTAN	
119	2331310306	NGUYỄN THỊ THU	TRANG	010100014006	Vận tải hàng hóa HK (Air Cargo Management)	3	23ĐHQTAN	
120	2201150068	Lê Anh	Thái	010100014006	Vận tải hàng hóa HK (Air Cargo Management)	3	23ĐHQTAN	
121	2331310362	NGUYỄN NGỌC	LINH	010100014006	Vận tải hàng hóa HK (Air Cargo Management)	3	23ĐHQTAN	
122	2331310562	Nguyễn Tổng Khánh	Linh	010100014006	Vận tải hàng hóa HK (Air Cargo Management)	3	23ĐHQTAN	
123	2331310423	NGUYỄN PHẠM BẢO	NGỌC	010100014006	Vận tải hàng hóa HK (Air Cargo Management)	3	23ĐHQTAN	
124	2253410072	NGUYỄN THỊ MỸ	DUYỀN	010100030201	Kinh tế quốc tế	2	22ĐHKVLĐ	
125	2253410161	NGUYỄN TRẦN HỒNG	NHUNG	010100030201	Kinh tế quốc tế	2	22ĐHKVLĐ	
126	2253410234	LÊ NGUYỄN HOÀNG	TRÂM	010100030201	Kinh tế quốc tế	2	22ĐHKVLĐ	
127	2331740165	VÕ TRẦN NHẬT	MAI	010100030201	Kinh tế quốc tế	2	22ĐHKVLĐ	
128	2331740139	NGUYỄN QUANG	VŨ	010100030201	Kinh tế quốc tế	2	22ĐHKVLĐ	
129	2331740147	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	010100030201	Kinh tế quốc tế	2	22ĐHKVLĐ	
130	2331720428	Trương Đình	Sang	010100030201	Kinh tế quốc tế	2	22ĐHKVLĐ	
131	2253410334	Võ Ngân	Anh	010100030201	Kinh tế quốc tế	2	22ĐHKVLĐ	
132	2250000124	CAO THỤC	UYỀN	010100030201	Kinh tế quốc tế	2	22ĐHKVLĐ	
133	2253410173	TRẦN DƯƠNG THANH	TRÚC	010100030201	Kinh tế quốc tế	2	22ĐHKVLĐ	
134	2250000123	LÊ THỊ NGỌC	NỮ	010100030201	Kinh tế quốc tế	2	22ĐHKVLĐ	
135	2331740035	TRẦN LÂM KHÁNH	VĂN	010100052416	Lịch sử Đảng	2	23ĐHDL01; 23ĐHDL02	
136	2331310206	TRẦN YẾN	NHƯ	010100052416	Lịch sử Đảng	2	23ĐHDL01; 23ĐHDL02	
137	2331740204	NGUYỄN TRẦN NGỌC	TÚ	010100052416	Lịch sử Đảng	2	23ĐHDL01; 23ĐHDL02	
138	2331320211	Ngô Gia	Mẫn	010100052416	Lịch sử Đảng	2	23ĐHDL01; 23ĐHDL02	
139	2331730154	Lê Ngọc Tường	Vân	010100052416	Lịch sử Đảng	2	23ĐHDL01; 23ĐHDL02	
140	2331320143	NGUYỄN THỊ MINH	HẰNG	010100052416	Lịch sử Đảng	2	23ĐHDL01; 23ĐHDL02	
141	2331310246	ĐÌNH VŨ LINH	NHI	010100052416	Lịch sử Đảng	2	23ĐHDL01; 23ĐHDL02	
142	2331310231	Nguyễn Thị Anh	Thi	010100052416	Lịch sử Đảng	2	23ĐHDL01; 23ĐHDL02	
143	2331740188	LÂM NHÃ	NHI	010100052416	Lịch sử Đảng	2	23ĐHDL01; 23ĐHDL02	
144	2331740174	LÊ HOÀNG	DUNG	010100052416	Lịch sử Đảng	2	23ĐHDL01; 23ĐHDL02	
145	2331320206	Vi Mai	Ngoc	010100052416	Lịch sử Đảng	2	23ĐHDL01; 23ĐHDL02	
146	2331730155	LƯU HOÀNG	ĐỨC	010100052416	Lịch sử Đảng	2	23ĐHDL01; 23ĐHDL02	
147	2331720335	Lưu Châu Thanh	Thúy	010100052416	Lịch sử Đảng	2	23ĐHDL01; 23ĐHDL02	
148	2331540292	Nguyễn Hoàng Anh	Tuấn	010100052416	Lịch sử Đảng	2	23ĐHDL01; 23ĐHDL02	
149	2331740002	ĐÌNH VĂN HOÀNG	VŨ	010100052416	Lịch sử Đảng	2	23ĐHDL01; 23ĐHDL02	
150	2331740007	TRINH MINH	KHOI	010100052416	Lịch sử Đảng	2	23ĐHDL01; 23ĐHDL02	
151	2153410429	VÕ NGỌC	QUYNH	010100052416	Lịch sử Đảng	2	23ĐHDL01; 23ĐHDL02	
152	2431310541	Nguyễn Hà	Vy	010100074723	Kinh tế chính trị Mác Lênin (Political Economics of Marxism and Leninism)	2	24ĐHDL01; 24ĐHDL02	
153	2431730422	Đỗ Chí	Quyền	010100074723	Kinh tế chính trị Mác Lênin (Political Economics of Marxism and Leninism)	2	24ĐHDL01; 24ĐHDL02	
154	2431310536	Lương Thị Kim	Tiền	010100074723	Kinh tế chính trị Mác Lênin (Political Economics of Marxism and Leninism)	2	24ĐHDL01; 24ĐHDL02	
155	2258130041	Phạm Thái	Tín	010100074723	Kinh tế chính trị Mác Lênin (Political Economics of Marxism and Leninism)	2	24ĐHDL01; 24ĐHDL02	

STT	MÃ SV	HỌ LÓT	TÊN	LHP	TÊN HỌC PHẦN	TC	LỚP DỰ KIẾN	GHI CHÚ
156	2431740103	Võ Đức	Tuấn	010100074723	Kinh tế chính trị Mác Lênin (Political Economics of Marxism and Leninism)	2	24ĐHDL01; 24ĐHDL02	
157	2431740105	Lê Hồ Cẩm	Tú	010100074723	Kinh tế chính trị Mác Lênin (Political Economics of Marxism and Leninism)	2	24ĐHDL01; 24ĐHDL02	
158	2431310237	Trần Kim	Bảo	010100074723	Kinh tế chính trị Mác Lênin (Political Economics of Marxism and Leninism)	2	24ĐHDL01; 24ĐHDL02	
159	2431740354	Nguyễn Phú	Hiệp	010100074723	Kinh tế chính trị Mác Lênin (Political Economics of Marxism and Leninism)	2	24ĐHDL01; 24ĐHDL02	
160	2431730081	Lê Hiếu	Vy	010100074723	Kinh tế chính trị Mác Lênin (Political Economics of Marxism and Leninism)	2	24ĐHDL01; 24ĐHDL02	
161	2431730097	Võ Ngọc Gia	Hân	010100074723	Kinh tế chính trị Mác Lênin (Political Economics of Marxism and Leninism)	2	24ĐHDL01; 24ĐHDL02	
162	2431730025	Nguyễn Huỳnh Anh	Khoa	010100074723	Kinh tế chính trị Mác Lênin (Political Economics of Marxism and Leninism)	2	24ĐHDL01; 24ĐHDL02	
163	2431540267	Đinh Lê Lâm	Nghi	010100074723	Kinh tế chính trị Mác Lênin (Political Economics of Marxism and Leninism)	2	24ĐHDL01; 24ĐHDL02	
164	2431730020	Phạm Nguyễn Hà	Trang	010100074723	Kinh tế chính trị Mác Lênin (Political Economics of Marxism and Leninism)	2	24ĐHDL01; 24ĐHDL02	
165	2431730216	Hà Thảo	Nguyễn	010100074723	Kinh tế chính trị Mác Lênin (Political Economics of Marxism and Leninism)	2	24ĐHDL01; 24ĐHDL02	
166	2431730113	Phạm Hoàng Diệu	Châu	010100074723	Kinh tế chính trị Mác Lênin (Political Economics of Marxism and Leninism)	2	24ĐHDL01; 24ĐHDL02	
167	2431320216	Nguyễn Minh	Triết	010100074723	Kinh tế chính trị Mác Lênin (Political Economics of Marxism and Leninism)	2	24ĐHDL01; 24ĐHDL02	
168	2431730215	Nguyễn Chí	Lợi	010100074723	Kinh tế chính trị Mác Lênin (Political Economics of Marxism and Leninism)	2	24ĐHDL01; 24ĐHDL02	
169	2431730099	Hồ Phạm Kim	Ngân	010100074723	Kinh tế chính trị Mác Lênin (Political Economics of Marxism and Leninism)	2	24ĐHDL01; 24ĐHDL02	
170	2431540293	Nguyễn Công	Vinh	010100074723	Kinh tế chính trị Mác Lênin (Political Economics of Marxism and Leninism)	2	24ĐHDL01; 24ĐHDL02	
171	2431720186	Vũ Hoàng	Anh	010100091904	Tiếng Việt thực hành	2	24ĐHNA04	
172	2431720206	Nguyễn Thị Phương	Anh	010100091904	Tiếng Việt thực hành	2	24ĐHNA04	
173	2431720169	Phạm Nhật	Quỳnh	010100091904	Tiếng Việt thực hành	2	24ĐHNA04	
174	2431720411	Bùi Nguyên	Mẫn	010100091904	Tiếng Việt thực hành	2	24ĐHNA04	
175	2431720309	Nguyễn Đăng Nguyên	Bảo	010100091904	Tiếng Việt thực hành	2	24ĐHNA04	
176	2431720335	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Anh	010100091904	Tiếng Việt thực hành	2	24ĐHNA04	
177	2431720306	Nguyễn Bảo	Trân	010100091904	Tiếng Việt thực hành	2	24ĐHNA04	
178	2431720315	Tô Trần Ngọc	Sơn	010100091904	Tiếng Việt thực hành	2	24ĐHNA04	
179	2431720322	Phạm Gia	Khiêm	010100091904	Tiếng Việt thực hành	2	24ĐHNA04	
180	2431720207	Phan Hồng	Anh	010100091904	Tiếng Việt thực hành	2	24ĐHNA04	
181	2431720349	Đậu Thị Thanh	Thúy	010100091904	Tiếng Việt thực hành	2	24ĐHNA04	
182	2431720134	Châu Huệ	Trân	010100091904	Tiếng Việt thực hành	2	24ĐHNA04	
183	2431720168	Huỳnh Thiên	Thanh	010100091904	Tiếng Việt thực hành	2	24ĐHNA04	
184	2431720223	Trần Thảo	Vy	010100091904	Tiếng Việt thực hành	2	24ĐHNA04	
185	2431720554	Trương Ngọc Minh	Anh	010100091904	Tiếng Việt thực hành	2	24ĐHNA04	
186	2431720160	Phạm Minh	Anh	010100091904	Tiếng Việt thực hành	2	24ĐHNA04	
187	2431720164	Nguyễn Thảo	Vy	010100091904	Tiếng Việt thực hành	2	24ĐHNA04	
188	2431720023	Phạm Ngọc Kim	Nhi	010100091904	Tiếng Việt thực hành	2	24ĐHNA04	
189	2431720405	Lâm Phan Vĩ	Khang	010100091904	Tiếng Việt thực hành	2	24ĐHNA04	
190	2431720137	Mai Hồng	Phượng	010100091904	Tiếng Việt thực hành	2	24ĐHNA04	
191	2153410159	NGUYỄN NGỌC NHẬT	VY	010100091904	Tiếng Việt thực hành	2	24ĐHNA04	
192	2331720241	VÕ NGỌC	TÚ	010100093810	Ngữ âm và Âm vị học	2	23ĐHNAHK1; 23ĐHNAHK2	
193	2331720115	LÊ PHƯƠNG	NGUYỄN	010100093810	Ngữ âm và Âm vị học	2	23ĐHNAHK1; 23ĐHNAHK2	
194	2331720103	HOÀNG NGUYỄN NHẬT	QUỲNH	010100093810	Ngữ âm và Âm vị học	2	23ĐHNAHK1; 23ĐHNAHK2	
195	2331720317	NGUYỄN TRỌNG MINH	THÔNG	010100093810	Ngữ âm và Âm vị học	2	23ĐHNAHK1; 23ĐHNAHK2	
196	2331720225	BÙI THIÊN	TAI	010100093810	Ngữ âm và Âm vị học	2	23ĐHNAHK1; 23ĐHNAHK2	

STT	MÃ SV	HỌ LÓT	TÊN	LHP	TÊN HỌC PHẦN	TC	LỚP DỰ KIẾN	GHI CHÚ
197	2331720370	Đỗ Ý	Luân	010100093810	Ngữ âm và Âm vị học	2	23ĐHNAHK1; 23ĐHNAHK2	
198	2331720158	Phạm Hoài Minh	Thư	010100093810	Ngữ âm và Âm vị học	2	23ĐHNAHK1; 23ĐHNAHK2	
199	2331720333	Lê Huỳnh	Như	010100093810	Ngữ âm và Âm vị học	2	23ĐHNAHK1; 23ĐHNAHK2	
200	2331720442	Nguyễn Phúc Bảo	Trân	010100093810	Ngữ âm và Âm vị học	2	23ĐHNAHK1; 23ĐHNAHK2	
201	2331720397	Lê Thị	Phương	010100093810	Ngữ âm và Âm vị học	2	23ĐHNAHK1; 23ĐHNAHK2	
202	2255200035	LÊ NAM	AN	010100093810	Ngữ âm và Âm vị học	2	23ĐHNAHK1; 23ĐHNAHK2	
203	2331720335	Lưu Châu Thanh	Thúy	010100093810	Ngữ âm và Âm vị học	2	23ĐHNAHK1; 23ĐHNAHK2	
204	2431740026	Văn Hữu	Phú	010100106107	Tiếng Anh 1	3	24ĐHKV01	
205	2331540215	PHAM ANH	HUY	010100106107	Tiếng Anh 1	3	24ĐHKV01	
206	2431740022	Huỳnh Lâm Tiến	Tân	010100106107	Tiếng Anh 1	3	24ĐHKV01	
207	2431740062	Nguyễn Hải	Đăng	010100106107	Tiếng Anh 1	3	24ĐHKV01	
208	2431740083	Nguyễn Thành	Trung	010100106107	Tiếng Anh 1	3	24ĐHKV01	
209	2431310225	Vũ Lê Tường	Vy	010100106107	Tiếng Anh 1	3	24ĐHKV01	
210	2431310014	Hoàng Nguyễn Yến	Linh	010100106107	Tiếng Anh 1	3	24ĐHKV01	
211	2431740087	Trần Tuyết	Ngân	010100106107	Tiếng Anh 1	3	24ĐHKV01	
212	2431740010	Mã Nguyệt	Ảnh	010100106107	Tiếng Anh 1	3	24ĐHKV01	
213	2253410349	ĐẶNG THỊ PHƯƠNG	ANH	010100106107	Tiếng Anh 1	3	24ĐHKV01	
214	2331530018	VÕ TRẦN THIÊN	PHÚC	010100106107	Tiếng Anh 1	3	24ĐHKV01	
215	2253410362	Đoàn Thị Bích	Ly	010100106111	Tiếng Anh 1	3	24ĐHKVC1	
216	2431310409	Nguyễn Minh	Thanh	010100106111	Tiếng Anh 1	3	24ĐHKVC1	
217	2431730019	Trịnh Trà	My	010100106111	Tiếng Anh 1	3	24ĐHKVC1	
218	2431310030	Nguyễn Minh	Hiếu	010100106111	Tiếng Anh 1	3	24ĐHKVC1	
219	2253410302	TRẦN MINH	QUÂN	010100106111	Tiếng Anh 1	3	24ĐHKVC1	
220	2431730337	Lê Ngọc	Phú	010100106112	Tiếng Anh 1	3	24ĐHKVC2	
221	2431730377	Võ Nguyễn Đăng	Huy	010100106112	Tiếng Anh 1	3	24ĐHKVC2	
222	2431730324	Nguyễn Minh	Anh	010100106112	Tiếng Anh 1	3	24ĐHKVC2	
223	2431730356	Mai Thái	Dương	010100106112	Tiếng Anh 1	3	24ĐHKVC2	
224	2431740009	Quản Xuân	Trường	010100106112	Tiếng Anh 1	3	24ĐHKVC2	
225	2431740078	Nguyễn Như Anh	Phương	010100106112	Tiếng Anh 1	3	24ĐHKVC2	
226	2431310494	Tường Gia	Phúc	010100106112	Tiếng Anh 1	3	24ĐHKVC2	
227	2431730370	Lê Hoàng	Ấn	010100106112	Tiếng Anh 1	3	24ĐHKVC2	
228	2431310072	Nguyễn Hữu	Hưng	010100106112	Tiếng Anh 1	3	24ĐHKVC2	
229	2431310008	Nguyễn Hoài	Bắc	010100106113	Tiếng Anh 1	3	24ĐHQT01	
230	2253410114	VŨ THỊ THANH	NGỌC	010100106114	Tiếng Anh 1	3	24ĐHQT02	
231	2331740091	HUỶNH HAI	YẾN	010100106114	Tiếng Anh 1	3	24ĐHQT02	
232	2051010409	ĐẶNG THỊ TUYẾT	HANH	010100106114	Tiếng Anh 1	3	24ĐHQT02	
233	2431310140	Hồ Thị Ngọc	Hân	010100106115	Tiếng Anh 1	3	24ĐHQT03	
234	2431740308	Nguyễn Mai	Linh	010100106115	Tiếng Anh 1	3	24ĐHQT03	
235	2431730363	Lê Việt Minh	Trí	010100106117	Tiếng Anh 1	3	24ĐHQT05	
236	2431310271	Nguyễn Gia	Huy	010100106117	Tiếng Anh 1	3	24ĐHQT05	
237	2431310286	Trương Gia	Bảo	010100106117	Tiếng Anh 1	3	24ĐHQT05	

STT	MÃ SV	HỌ LÓT	TÊN	LHP	TÊN HỌC PHẦN	TC	LỚP DỰ KIẾN	GHI CHÚ
238	2431730156	Mạch Trí	Phong	010100106117	Tiếng Anh 1	3	24ĐHQT05	
239	2431730214	Nguyễn Thùy	Dương	010100106117	Tiếng Anh 1	3	24ĐHQT05	
240	2331540316	Nguyễn Thanh	Tuấn	010100106117	Tiếng Anh 1	3	24ĐHQT05	
241	2431740133	Trần Lương Ngọc	Anh	010100106119	Tiếng Anh 1	3	24ĐHQT07	
242	2431310436	Nguyễn Đăng Tâm	Như	010100106119	Tiếng Anh 1	3	24ĐHQT07	
243	2431740158	Nguyễn Lê Minh	Nguyên	010100106121	Tiếng Anh 1	3	24ĐHQT09	
244	2331310338	NGUYỄN THÙY	TRÂM	010100106122	Tiếng Anh 1	3	24ĐHNL01	
245	2431310007	Nguyễn Hoàng Anh	Thư	010100106122	Tiếng Anh 1	3	24ĐHNL01	
246	2431320149	Hồ Trần An	Khiết	010100106122	Tiếng Anh 1	3	24ĐHNL01	
247	2431740132	Nguyễn Ngọc	Anh	010100106122	Tiếng Anh 1	3	24ĐHNL01	
248	2431310524	Đồng Ngọc Phương	Quỳnh	010100106122	Tiếng Anh 1	3	24ĐHNL01	
249	2431320048	Huỳnh Thanh	Lộc	010100106122	Tiếng Anh 1	3	24ĐHNL01	
250	2258130049	TRƯƠNG LÝ BẢO	NHI	010100106122	Tiếng Anh 1	3	24ĐHNL01	
251	2431730038	Nguyễn Thị	Hà	010100106123	Tiếng Anh 1	3	24ĐHNL02	
252	2431730042	Nguyễn	Dũng	010100106123	Tiếng Anh 1	3	24ĐHNL02	
253	2431730026	Nguyễn Lê Hoàng	Minh	010100106123	Tiếng Anh 1	3	24ĐHNL02	
254	2250000187	Mai Thị Thanh	Thúy	010100106123	Tiếng Anh 1	3	24ĐHNL02	
255	2331740187	KA	VY	010100106124	Tiếng Anh 1	3	24ĐHNL03	
256	2331740186	DÔNG KA MỸ	HUYỀN	010100106124	Tiếng Anh 1	3	24ĐHNL03	
257	2431730016	Phạm Thị Khánh	Huyền	010100106124	Tiếng Anh 1	3	24ĐHNL03	
258	2431730088	Lê Thúy Ngọc	Lan	010100106124	Tiếng Anh 1	3	24ĐHNL03	
259	2431310383	Lê Ngọc	Nhi	010100106125	Tiếng Anh 1	3	24ĐHNL04	
260	2431320276	Lê Nguyễn Hồng	Hải	010100106125	Tiếng Anh 1	3	24ĐHNL04	
261	2431730125	Lê Việt Bảo	Phúc	010100106125	Tiếng Anh 1	3	24ĐHNL04	
262	2431320231	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Anh	010100106125	Tiếng Anh 1	3	24ĐHNL04	
263	2431320237	Nguyễn Lâm Hải	Lý	010100106125	Tiếng Anh 1	3	24ĐHNL04	
264	2431320206	Phùng Ngọc Thu	Uyên	010100106125	Tiếng Anh 1	3	24ĐHNL04	
265	2431730329	Nguyễn Ngọc Tú	Uyên	010100106129	Tiếng Anh 1	3	24ĐHDL03	
266	2253410072	NGUYỄN THỊ MỸ	DUYÊN	010100106129	Tiếng Anh 1	3	24ĐHDL03	
267	2431730323	Bùi Hoàng	Trâm	010100106129	Tiếng Anh 1	3	24ĐHDL03	
268	2431320157	Đào Nguyễn Anh	Thư	010100106129	Tiếng Anh 1	3	24ĐHDL03	
269	2250000116	ĐOÀN MINH	THƯ	010100106129	Tiếng Anh 1	3	24ĐHDL03	
270	2331310427	HUỶNH THỊ BÍCH	DUYÊN	010100106129	Tiếng Anh 1	3	24ĐHDL03	
271	2331310402	NGUYỄN NGỌC NHƯ	QUỲNH	010100106129	Tiếng Anh 1	3	24ĐHDL03	
272	2331310470	Huỳnh Gia	Phát	010100106129	Tiếng Anh 1	3	24ĐHDL03	
273	2431730288	Nguyễn Ngọc Mai	Hân	010100106130	Tiếng Anh 1	3	24ĐHDL04	
274	2431730289	Phạm Ngọc Kim	Ngân	010100106130	Tiếng Anh 1	3	24ĐHDL04	
275	2431730395	Nguyễn Võ Phương	Uyên	010100106130	Tiếng Anh 1	3	24ĐHDL04	
276	2250000140	PHAM NGOC	TRINH	010100106130	Tiếng Anh 1	3	24ĐHDL04	
277	2431740056	Nguyễn Thị Thu	Trang	010100170910	Nhập môn nghiên cứu khoa học	2	24ĐHKQ01	
278	2431730044	Phan Văn	Quyển	010100170910	Nhập môn nghiên cứu khoa học	2	24ĐHKQ01	

STT	MÃ SV	HỌ LÓT	TÊN	LHP	TÊN HỌC PHẦN	TC	LỚP DỰ KIẾN	GHI CHÚ
279	2431740337	Nguyễn Quang	Trường	010100170910	Nhập môn nghiên cứu khoa học	2	24ĐHKQ01	
280	2431740258	Lê Nguyễn Anh	Thư	010100170910	Nhập môn nghiên cứu khoa học	2	24ĐHKQ01	
281	2431740230	Nguyễn Hà Nguyên	Thương	010100170910	Nhập môn nghiên cứu khoa học	2	24ĐHKQ01	
282	2431740313	Phạm Thị Kim	Ngọc	010100170910	Nhập môn nghiên cứu khoa học	2	24ĐHKQ01	
283	2431740281	Lã Mai	Phượng	010100170910	Nhập môn nghiên cứu khoa học	2	24ĐHKQ01	
284	2431740285	Hồ Lê Trường	Nam	010100170910	Nhập môn nghiên cứu khoa học	2	24ĐHKQ01	
285	2431330034	Nguyễn Đức	Tuấn	010100170910	Nhập môn nghiên cứu khoa học	2	24ĐHKQ01	
286	2431740080	Hồ Hà Lâm	Hùng	010100170910	Nhập môn nghiên cứu khoa học	2	24ĐHKQ01	
287	2431330056	Đặng Thị Diễm	Châu	010100170910	Nhập môn nghiên cứu khoa học	2	24ĐHKQ01	
288	2431730142	Nguyễn Thị Hồng	Lộc	010100170910	Nhập môn nghiên cứu khoa học	2	24ĐHKQ01	
289	2431740103	Võ Đức	Tuấn	010100170910	Nhập môn nghiên cứu khoa học	2	24ĐHKQ01	
290	2431740105	Lê Hồ Cẩm	Tú	010100170910	Nhập môn nghiên cứu khoa học	2	24ĐHKQ01	
291	2431740350	Lê Đỗ Quốc	Bảo	010100170910	Nhập môn nghiên cứu khoa học	2	24ĐHKQ01	
292	2431740354	Nguyễn Phú	Hiệp	010100170910	Nhập môn nghiên cứu khoa học	2	24ĐHKQ01	
293	2332310011	Nguyễn Gia	Quý	010200011201	Quản trị dự án	3	23ĐVQT01	
294	2253410076	HOÀNG PHẠM KHÁNH	LY	010200011201	Quản trị dự án	3	23ĐVQT01	
295	2254810254	Trần Quang	Cường	010200011201	Quản trị dự án	3	23ĐVQT01	
296	2051200073	Thach	Monimakar	010800071401	Khí động học nâng cao	3	21ĐHKT01	
297	2051200072	Loeng	Soheng	010800071401	Khí động học nâng cao	3	21ĐHKT01	
298	2051200075	Vorn	Sopheara	010800071401	Khí động học nâng cao	3	21ĐHKT01	
299	2051200076	Chhoun	Limeng	010800071401	Khí động học nâng cao	3	21ĐHKT01	
300	2255200101	Nguyễn Đỗ Quang	Nhật	011100023301	Giáo dục thể chất-Aerobic	1	24ĐHĐT01	
301	2433710101	Dương Ngọc Cẩm	Tuyền	011100023301	Giáo dục thể chất-Aerobic	1	24ĐHĐT01	
302	2433710181	Lê Hoàng Mỹ	Phượng	011100023301	Giáo dục thể chất-Aerobic	1	24ĐHĐT01	
303	2433710141	Nguyễn Ngô Bửu	Triều	011100023301	Giáo dục thể chất-Aerobic	1	24ĐHĐT01	
304	2433510010	Lê Đức	Duy	011100023301	Giáo dục thể chất-Aerobic	1	24ĐHĐT01	
305	2433510007	Nguyễn Thành	Luân	011100023301	Giáo dục thể chất-Aerobic	1	24ĐHĐT01	
306	2433510022	Huỳnh Văn	Dương	011100023301	Giáo dục thể chất-Aerobic	1	24ĐHĐT01	
307	2433520203	Huỳnh Thị Bích	Ngân	011100023301	Giáo dục thể chất-Aerobic	1	24ĐHĐT01	
308	2433510024	Nguyễn Thành	Nam	011100023301	Giáo dục thể chất-Aerobic	1	24ĐHĐT01	
309	2433510085	Nguyễn Hàn	Ly	011100023301	Giáo dục thể chất-Aerobic	1	24ĐHĐT01	
310	2433510014	Phan Gia	Huy	011100023301	Giáo dục thể chất-Aerobic	1	24ĐHĐT01	
311	2433510013	Trần Anh	Việt	011100023301	Giáo dục thể chất-Aerobic	1	24ĐHĐT01	
312	2433510037	Nguyễn Hoàng	Huy	011100023301	Giáo dục thể chất-Aerobic	1	24ĐHĐT01	
313	2433510059	Bùi Tá	Thiện	011100023301	Giáo dục thể chất-Aerobic	1	24ĐHĐT01	
314	2433510082	Phạm Ngọc	Huyền	011100023301	Giáo dục thể chất-Aerobic	1	24ĐHĐT01	
315	2433510020	Cao Minh	Trí	011100023301	Giáo dục thể chất-Aerobic	1	24ĐHĐT01	
316	2433510071	Nguyễn Đức	Minh	011100023301	Giáo dục thể chất-Aerobic	1	24ĐHĐT01	
317	2433510067	Trần Thiện Tấn	Khang	011100023301	Giáo dục thể chất-Aerobic	1	24ĐHĐT01	
318	2433510064	Võ Anh	Phi	011100023301	Giáo dục thể chất-Aerobic	1	24ĐHĐT01	
319	2433510058	Dương Tấn	Phát	011100023301	Giáo dục thể chất-Aerobic	1	24ĐHĐT01	

STT	MÃ SV	HỌ LÓT	TÊN	LHP	TÊN HỌC PHẦN	TC	LỚP DỰ KIẾN	GHI CHÚ
320	2433510088	Trần Nguyễn An	Hòa	011100023301	Giáo dục thể chất-Aerobic	1	24ĐHĐT01	
321	2433510030	Trần Quốc	Thành	011100023301	Giáo dục thể chất-Aerobic	1	24ĐHĐT01	
322	2433510015	Trịnh Quang	Dương	011100023301	Giáo dục thể chất-Aerobic	1	24ĐHĐT01	
323	2433510004	Trần Anh	Khoa	011100023301	Giáo dục thể chất-Aerobic	1	24ĐHĐT01	
324	2433510003	Vũ Duy	Việt	011100023301	Giáo dục thể chất-Aerobic	1	24ĐHĐT01	
325	2433510098	Hoàng Đình Anh	Tú	011100023301	Giáo dục thể chất-Aerobic	1	24ĐHĐT01	
326	2331710032	Trần Quốc	Huy	011100023301	Giáo dục thể chất-Aerobic	1	24ĐHĐT01	
327	2331520099	NGUYỄN TRẦN GIA	BAO	011100105403	Kết cấu Hàng không 1	3	23ĐHKT03	
328	2331520156	HỒ CÔNG	DANH	011100105403	Kết cấu Hàng không 1	3	23ĐHKT03	
329	2331520157	Tăng Thế Tuấn	Kiệt	011100105403	Kết cấu Hàng không 1	3	23ĐHKT03	
330	2331520081	Trịnh Hoàng	Đạt	011100105403	Kết cấu Hàng không 1	3	23ĐHKT03	
331	2331520092	TRẦN NGÔ NHÂN	KIỆT	011100105403	Kết cấu Hàng không 1	3	23ĐHKT03	
332	2331520136	PHẠM NGUYỄN	VŨ	011100105403	Kết cấu Hàng không 1	3	23ĐHKT03	
333	2255200030	PHẠM TRÍ	KHANG	011100105403	Kết cấu Hàng không 1	3	23ĐHKT03	
334	2255200036	NGUYỄN TRÍ	BẢO	011100105404	Kết cấu Hàng không 1	3	23ĐHKT03	
335	2255200084	LÊ PHÚ	THỊNH	011100105404	Kết cấu Hàng không 1	3	23ĐHKT03	
336	2255200087	NGUYỄN LÂM KIẾN	THỊNH	011100105404	Kết cấu Hàng không 1	3	23ĐHKT03	
337	2255200055	HUỲNH MẠNH	KHANG	011100105404	Kết cấu Hàng không 1	3	23ĐHKT03	
338	2255200043	ĐẶNG NGỌC	MINH	011100105404	Kết cấu Hàng không 1	3	23ĐHKT03	
339	2255200080	NGUYỄN QUỐC	TIỀN	011100105404	Kết cấu Hàng không 1	3	23ĐHKT03	
340	2255200057	PHẠM VĂN	HỮU	011100105404	Kết cấu Hàng không 1	3	23ĐHKT03	
341	2255200054	NGUYỄN KHẮC NHẬT	HOÀNG	011100105404	Kết cấu Hàng không 1	3	23ĐHKT03	
342	2331520127	PHẠM HUY	HOÀNG	011100105704	Cơ học bay 1	2	23ĐHKT03	
343	2255200016	ĐỖ HUY	HOÀNG	011100105704	Cơ học bay 1	2	23ĐHKT03	
344	2433550038	Trương Lang Thảo	Vy	011100106102	Tiếng Anh 1	3	24ĐHĐT02	
345	2433520220	Lê Minh	Nhật	011100106102	Tiếng Anh 1	3	24ĐHĐT02	
346	2433530020	Vũ Ngọc Thuỳ	Dương	011100106102	Tiếng Anh 1	3	24ĐHĐT02	
347	2433510088	Trần Nguyễn An	Hòa	011100106102	Tiếng Anh 1	3	24ĐHĐT02	
348	2433510064	Võ Anh	Phi	011100106102	Tiếng Anh 1	3	24ĐHĐT02	
349	2433550092	Hoàng	Mạnh	011100106102	Tiếng Anh 1	3	24ĐHĐT02	
350	2433550070	Phạm Thị Ngọc	Ánh	011100106102	Tiếng Anh 1	3	24ĐHĐT02	
351	2433510060	Nguyễn Vũ Gia	Huy	011100106102	Tiếng Anh 1	3	24ĐHĐT02	
352	2258420103	PHẠM THỊ MINH	THƯ	011100106102	Tiếng Anh 1	3	24ĐHĐT02	
353	2433520124	Nguyễn Hữu	Phúc	011100106102	Tiếng Anh 1	3	24ĐHĐT02	
354	2255130016	Ngô Ngọc	Huy	011100106102	Tiếng Anh 1	3	24ĐHĐT02	
355	2433550015	Trần Quốc	Bảo	011100106108	Tiếng Anh 1	3	24ĐAKT01	
356	2433520086	Lã Bùi Tuấn	Anh	011100106108	Tiếng Anh 1	3	24ĐAKT01	
357	2433520232	Phạm Ngô Gia	Bảo	011100106108	Tiếng Anh 1	3	24ĐAKT01	
358	2331530072	Phạm Hoàng	Vỹ	011100106108	Tiếng Anh 1	3	24ĐAKT01	
359	2433520023	Phạm Ngọc	Chiến	011100106108	Tiếng Anh 1	3	24ĐAKT01	
360	2433520082	Nguyễn Quang Trung	Hậu	011100106108	Tiếng Anh 1	3	24ĐAKT01	

STT	MÃ SV	HỌ LÓT	TÊN	LHP	TÊN HỌC PHẦN	TC	LỚP DỰ KIẾN	GHI CHÚ
361	2433550009	Nguyễn Quang	Bảo	011100106108	Tiếng Anh 1	3	24ĐAKT01	
362	2433710055	Bùi Trọng	Hiếu	011100106109	Tiếng Anh 1	3	24ĐHKT01	
363	2433520003	Nguyễn Đức	Minh	011100106109	Tiếng Anh 1	3	24ĐHKT01	
364	2433710173	Huỳnh Nhật	Hoàng	011100106109	Tiếng Anh 1	3	24ĐHKT01	
365	2105120002	Nguyễn Quỳnh	Anh	011100106109	Tiếng Anh 1	3	24ĐHKT01	
366	2433710010	Tiêu Trung	Nguyễn	011100106109	Tiếng Anh 1	3	24ĐHKT01	
367	2433710047	Nguyễn Hoàng	Hiệp	011100106109	Tiếng Anh 1	3	24ĐHKT01	
368	2105120032	NGUYỄN HUỲNH	KHANG	011100106109	Tiếng Anh 1	3	24ĐHKT01	
369	2433520013	Phan Anh	Tuấn	011100106109	Tiếng Anh 1	3	24ĐHKT01	
370	2105120105	NGUYỄN PHÚ	MÃI	011100106109	Tiếng Anh 1	3	24ĐHKT01	
371	2433520016	Trần Hà	Hưng	011100106109	Tiếng Anh 1	3	24ĐHKT01	
372	2433520017	Trần Hoàng Thái	Bảo	011100106109	Tiếng Anh 1	3	24ĐHKT01	
373	2433520012	Hà Đức	Mạnh	011100106110	Tiếng Anh 1	3	24ĐHKT02	
374	2433520134	Nguyễn Văn	Linh	011100106110	Tiếng Anh 1	3	24ĐHKT02	
375	2433520047	Nguyễn Đình	Khôi	011100106110	Tiếng Anh 1	3	24ĐHKT02	
376	2331530044	NGUYỄN MINH	ĐẠT	011100106110	Tiếng Anh 1	3	24ĐHKT02	
377	2433530049	Nguyễn Mai	Thy	011100106110	Tiếng Anh 1	3	24ĐHKT02	
378	2433530019	Dương Anh	Quân	011100106110	Tiếng Anh 1	3	24ĐHKT02	
379	2433550051	Võ Nhật	Phi	011100106110	Tiếng Anh 1	3	24ĐHKT02	
380	2253410067	NGUYỄN THỊ KIM	HUỆ	010100106127	Tiếng Anh 1	3	24ĐHDL01	
381	2252210155	LÊ THỊ PHƯƠNG	THẢO	010100106128	Tiếng Anh 1	3	24ĐHDL02	
382	2153412027	GIÁP LÊ NGỌC	HÒA	010100106140	Tiếng Anh 1	3	24ĐHDL01	
383	2431320155	NGUYỄN KHÁNH	HUYỀN	010100106140	Tiếng Anh 1	3	24ĐHDL01	
384	2431730061	Nguyễn Thiện Thái	Toàn	010100106141	Tiếng Anh 1	3	24ĐHDL02	
385	2431730157	Nguyễn Thái Phương	Nguyên	010100106141	Tiếng Anh 1	3	24ĐHDL02	
386	2431730334	Vũ Hoàng Quốc	Duy	010100106143	Tiếng Anh 1	3	24ĐHDL04	
387	2431310071	Nguyễn Thiện	Ấn	010100106144	Tiếng Anh 1	3	24ĐHKQ01	
388	2431740155	Nguyễn Thùy	Linh	010100106144	Tiếng Anh 1	3	24ĐHKQ01	
389	2331320214	Hoàng Thị	Sinh	010100106144	Tiếng Anh 1	3	24ĐHKQ01	
390	2431730381	Nguyễn Hữu	Lộc	010100106106	Tiếng Anh 1	3	24ĐHDL04	
391	2431540220	Nguyễn Phương	Nam	010100106106	Tiếng Anh 1	3	24ĐHTT06	
392	2254810254	Trần Quang	Cường	010200044701	Hành vi tổ chức	3	23ĐVQT01	
393	2332310002	Võ Mạnh	Cường	010200044701	Hành vi tổ chức	3	23ĐVQT01	
394	2332310011	Nguyễn Gia	Quý	010200044701	Hành vi tổ chức	3	23ĐVQT01	
395	2433520192	Nguyễn Ngọc	Thoại	011100023303	Giáo dục thể chất-Aerobic	1	24ĐHTĐ01	
396	2433520174	Nguyễn Thị Bích	Lệ	011100023303	Giáo dục thể chất-Aerobic	1	24ĐHTĐ01	
397	2433530076	Đinh Tấn	Lộc	011100023303	Giáo dục thể chất-Aerobic	1	24ĐHTĐ01	
398	2433520020	Lưu Bảo	Anh	011100023305	Giáo dục thể chất-Aerobic	1	24ĐHTĐ03	
399	2433530041	Trần Thái	Mỹ	011100023305	Giáo dục thể chất-Aerobic	1	24ĐHTĐ03	
400	2433530042	Nguyễn Trần Mai	Uyên	011100023305	Giáo dục thể chất-Aerobic	1	24ĐHTĐ03	
401	2433520051	Cao Thị Tường	Vy	011100023305	Giáo dục thể chất-Aerobic	1	24ĐHTĐ03	

STT	MÃ SV	HỌ LÓT	TÊN	LHP	TÊN HỌC PHẦN	TC	LỚP DỰ KIẾN	GHI CHÚ
402	2433530039	Huỳnh Vân	An	011100023305	Giáo dục thể chất-Aerobic	1	24ĐHTĐ03	
403	2433510084	Nguyễn Huy	Hiệu	011100023305	Giáo dục thể chất-Aerobic	1	24ĐHTĐ03	
404	2433530117	Vũ Sỹ	Thành	011100023305	Giáo dục thể chất-Aerobic	1	24ĐHTĐ03	
405	2433530004	Trần Kim	Nhung	011100023305	Giáo dục thể chất-Aerobic	1	24ĐHTĐ03	
406	2433520141	Nguyễn Ngọc	Toàn	011100023305	Giáo dục thể chất-Aerobic	1	24ĐHTĐ03	
407	2255200026	NGUYỄN MINH	HIỆU	011100023305	Giáo dục thể chất-Aerobic	1	24ĐHTĐ03	
408	2056060001	LÊ ĐỨC	VINH	010200003601	Dịch vụ không lưu	3	23ĐVKL01	
409	2331720415	BÙI THẢO	NHI	010100093104	Đọc - Viết 5	3	23ĐHNATM4	
410	2331720089	PHẠM NGUYỄN NGỌC	NHI	010100093104	Đọc - Viết 5	3	23ĐHNATM4	
411	2331530063	Võ Thành	Nhân	011100103104	Thực hành khí cụ điện - Đo lường	2	23ĐHTĐ02	
412	2331530018	VÕ TRẦN THIÊN	PHÚC	011100103104	Thực hành khí cụ điện - Đo lường	2	23ĐHTĐ01	
413	2341810007	Lê Thị Mai	Anh	030100064301	Phục vụ động vật sống và hàng dễ hỏng	3	23CĐTM01	
414	2341810008	Trương Phan Bảo	Hân	030100064301	Phục vụ động vật sống và hàng dễ hỏng	3	23CĐTM01	
415	2341810027	Vũ Khánh	Huyền	030100064301	Phục vụ động vật sống và hàng dễ hỏng	3	23CĐTM01	
416	2201150047	Nguyễn Tấn	Lộc	030100064301	Phục vụ động vật sống và hàng dễ hỏng	3	23CĐTM01	
417	2341810004	Trương Ngọc	Long	030100064301	Phục vụ động vật sống và hàng dễ hỏng	3	23CĐTM01	
418	2341810030	Trần Thị Yến	Nhi	030100064301	Phục vụ động vật sống và hàng dễ hỏng	3	23CĐTM01	
419	2201150098	Lăng Minh	Phát	030100064301	Phục vụ động vật sống và hàng dễ hỏng	3	23CĐTM01	
420	2201150092	Vũ Như	Quỳnh	030100064301	Phục vụ động vật sống và hàng dễ hỏng	3	23CĐTM01	
421	2341810014	Nguyễn Thanh	Vân	030100064301	Phục vụ động vật sống và hàng dễ hỏng	3	23CĐTM01	